

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN THỰC TẬP CƠ SỞ

Đề tài:

WEB XEM PHIM TRỰC TUYẾN

Người hướng dẫn : Ts. Kim Ngọc Bách

Sinh viên thực hiện : Lê Quang Thanh

Mã số sinh viên : B22DCVT509

Lớp : E22CQCN02-B

Hà Nội, tháng 03/2025

MỤC LỤC

PHẦN 1 - GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

1. Giới thiệu
2. Đề tài
3. Nội dung và kế hoạch dự kiến

PHẦN 2 - XÂY DỰNG TỔNG QUAN HỆ THỐNG

1. Phân tích yêu cầu đề tài
2. Phân tích và thiết kế hệ thống

PHẦN 3 – XÂY DỰNG CHỨC NĂNG

1. Chi tiết chức năng
2. Đặc tả chức năng Use Case
3. Biểu đồ Use Case tổng quát

PHẦN 1 – GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

1. Giới thiệu

Công nghệ thông tin, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển phần mềm, đã trở thành nền tảng không thể thiếu trong việc quản lý và vận hành các hệ thống phức tạp. Từ việc tự động hóa các quy trình sản xuất đến quản lý dữ liệu hiệu quả, công nghệ đã giúp tăng cường khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Trong bối cảnh đó, việc thiết kế và triển khai các hệ thống quản lý không chỉ đòi hỏi kiến thức về chuyên môn, mà còn phải kết hợp linh hoạt với những công nghệ mới để đảm bảo hệ thống vận hành một cách tối ưu, an toàn và bền vững. Đề cương này tập trung vào việc ứng dụng những kiến thức đã học, cùng với các kỹ thuật và công nghệ hiện đại, để xây dựng một hệ thống quản lý hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thực tế của người sử dụng.

2. Mục tiêu của đề tài

Mục tiêu của đề tài này là nghiên cứu và phát triển một website xem phim trực tuyến mang tên P-MOVIE, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng về việc tiếp cận và trải nghiệm nội dung phim chất lượng cao qua môi trường mạng. Website sẽ không chỉ cung cấp các bộ phim với nhiều thể loại, mà còn được thiết kế để mang lại trải nghiệm người dùng tối ưu, dễ dàng và thuận tiện trong việc tìm kiếm, xem phim, và quản lý tài khoản cá nhân. Mục tiêu của đề tài này là nghiên cứu và phát triển một website xem phim trực tuyến, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng về việc tiếp cận và trải nghiệm nội dung phim chất lượng cao qua môi trường mạng. Website sẽ không chỉ cung cấp các bộ phim với nhiều thể loại, mà còn được thiết kế để mang lại trải nghiệm người dùng tối ưu, dễ dàng và thuận tiện trong việc tìm kiếm, xem phim, và quản lý tài khoản cá nhân.

3. Nội dung và kế hoạch dự kiến

- Nghiên cứu và phân tích yêu cầu (1 tuần): Phân tích nhu cầu thị trường, người dùng và các tính năng cần có của website xem phim.

- Nghiên cứu các website xem phim phổ biến hiện nay để tìm hiểu các tính năng và yêu cầu người dùng.
- Phỏng vấn người dùng tiềm năng (nếu có thể) để thu thập thông tin về sở thích và nhu cầu của họ.
- Xác định các yêu cầu chức năng cơ bản như: tìm kiếm phim, đăng nhập, quản lý tài khoản người dùng, xem phim trực tuyến, đánh giá phim,

- Phân tích và thiết kế hệ thống (2 tuần): Phân tích các yêu cầu kỹ thuật, thiết kế kiến trúc phần mềm và cơ sở dữ liệu, và xây dựng giao diện người dùng phù hợp.

- Phân tích yêu cầu hệ thống
- Thiết kế kiến trúc hệ thống
- Thiết kế cơ sở dữ liệu
- Thiết kế giao diện người dùng (UI)
- Kế hoạch phát triển

- Triển khai và phát triển (4 tuần): Xây dựng website, bao gồm các tính năng chính như tìm kiếm phim, đăng nhập, quản lý tài khoản, xem phim, và hệ thống đánh giá ...

- Phát triển frontend: Sử dụng HTML, CSS, JavaScript để xây dựng giao diện người dùng.

- Phát triển backend: Sử dụng Nodejs và Expressjs hoặc PHP để xử lý logic phía server, quản lý người dùng, phim và các tính năng liên quan.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu: Tạo và kết nối cơ sở dữ liệu Mern Stack(SQL Server/MongoDB) để lưu trữ thông tin phim, người dùng, lịch sử xem, và các đánh giá.
- Tích hợp các tính năng: Thực hiện các chức năng như đăng nhập, đăng ký, theo dõi lịch sử xem phim, yêu thích phim, và đánh giá phim.
- Kiểm thử chức năng: Kiểm thử từng tính năng của website, đảm bảo hoạt động ổn định và không có lỗi.

- Kiểm thử và tối ưu hóa (2 tuần): Đảm bảo website hoạt động ổn định, không có lỗi và tối ưu hóa hiệu suất

- Kiểm thử chức năng: Thực hiện kiểm thử toàn bộ các tính năng của website để đảm bảo mọi thứ hoạt động như mong đợi.
- Kiểm thử hiệu suất: Kiểm tra tốc độ tải trang, khả năng chịu tải của website khi có nhiều người dùng truy cập đồng thời.
- Tối ưu hóa giao diện: Đảm bảo giao diện website hoạt động tốt trên tất cả các thiết bị và trình duyệt (responsive design).
- Sửa lỗi và cải tiến: Sửa các lỗi phát sinh trong quá trình kiểm thử và tối ưu mã nguồn để website chạy mượt mà hơn.

- Triển khai và bảo trì (Liên tục)

- Triển khai website: Đưa website lên server để phục vụ người dùng. Đảm bảo website có thể hoạt động ổn định trên môi trường thực tế.
- Cập nhật và bảo trì: Cập nhật các bộ phim mới, bảo trì hệ thống để đảm bảo an toàn và bảo mật.
- Giải quyết vấn đề người dùng: Theo dõi phản hồi từ người dùng để xử lý các vấn đề và cải thiện website.

PHẦN 2 – XÂY DỰNG TỔNG QUAN HỆ THỐNG

1. Phân tích yêu cầu đề tài.

1.1. Tên đề tài

– Xây dựng website xem phim online P-MOVIE

1.2. Yêu cầu đặt ra

– Hệ thống có 2 phần:

- Thứ nhất: Phần khách hàng

Khách hàng là những người có nhu cầu xem phim, họ sẽ tìm kiếm phim theo tên, quốc gia, thể loại, vì thế website phải đáp ứng các chức năng sau:

- Hiện thị danh sách phim theo thể loại, quốc gia, tên phim để khách hàng lựa chọn xem.
- Lưu phim ưa thích để người xem có thể xem lại một cách dễ dàng nhanh chóng thuận tiện.

- Thứ hai: Phần quản trị viên (Admin)

Người làm chủ có quyền kiểm soát mọi hoạt động của hệ thống, được cấp username và password để đăng nhập vào hệ thống và thực hiện các chức năng của mình.

- Chức năng cập nhật, thêm sửa xóa các loại phim bộ, phim lẻ, thể loại, quốc gia... tài khoản người xem.
- Ngoài các chức năng trên thì trang Web phải được thiết kế sao cho dễ hiểu, giao diện mang tính dễ dùng đẹp mắt và làm sao cho người xem thấy được thông tin cần tìm, cung cấp các thông tin quảng cáo hấp dẫn, các tin tức khuyến mãi để thu hút người xem. Điều quan trọng là phải đảm bảo an toàn tuyệt đối thông tin người xem trong quá trình đặt mua qua mạng. Đồng thời trang Web phải luôn đổi mới, hấp dẫn.

2. Phân tích và thiết kế hệ thống

1.1 Xây dựng hệ thống

– Sau khi khảo sát em đã nắm bắt được các thông tin:

- Quản lý người xem: Mỗi người xem khi đăng ký tài khoản sẽ được quản lý các thông tin như lịch sử xem phim, phim đã thích.
- Quản lý phim: Mã phim, tên phim, phim bộ, phim lẻ, nội dung, năm phát hành, quốc gia, thể loại, thời lượng, lượt xem...

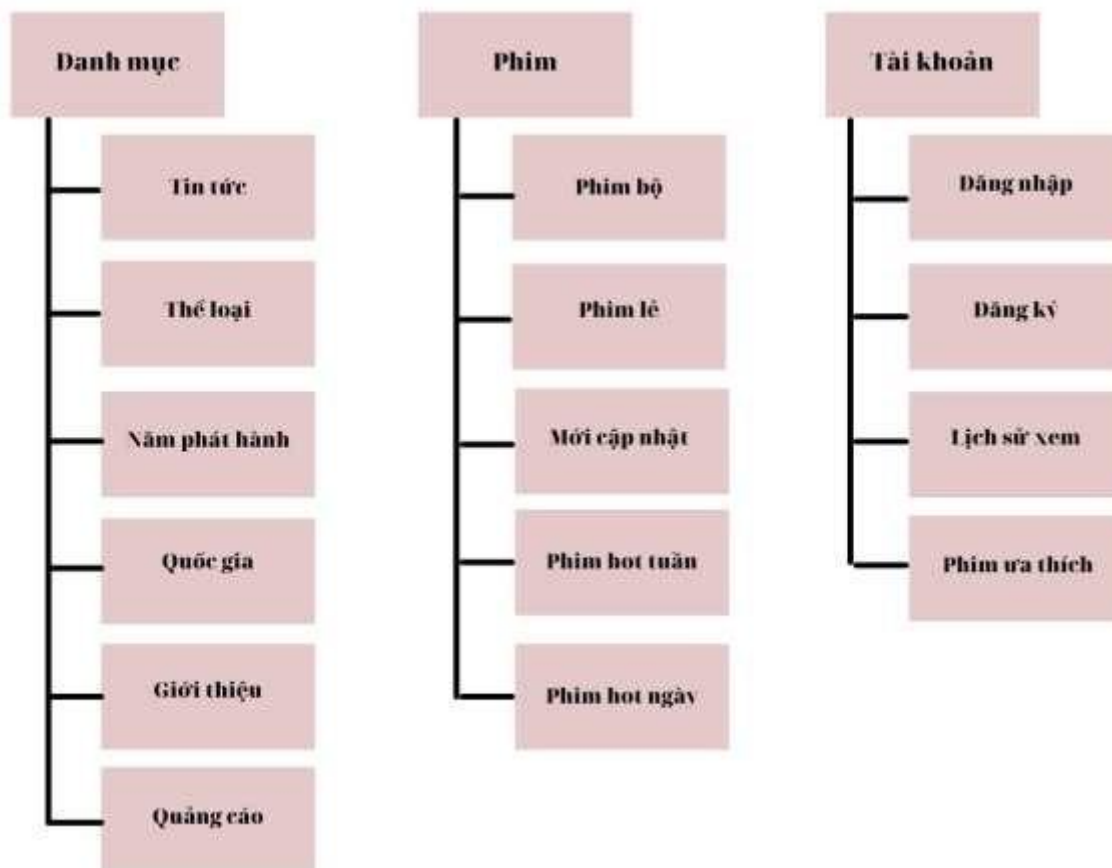
- Quản lý banner phim: mã banner, hình ảnh, tên phim.
- Quản lý slide: Tên slide, nội dung slide, ảnh slide, trạng thái.
- Quản lý quốc gia: tên quốc gia, mã quốc gia.
- Quản lý giới thiệu, tin tức phim: mã giới thiệu, mã tin tức, nội dung, tiêu đề, hình ảnh, ngày cập nhật, lượt xem.

1.2. Chức năng của hệ thống

– Đây là một website xem phim online cung cấp các bộ phim, phim lẻ đa dạng khác nhau cho người xem. Có các chức năng sau:

- Cho phép cập nhật phim vào CSDL.
- Hiện thị danh sách phim bộ, phim lẻ theo từng loại.
- Đăng nhập đăng ký thành viên, lưu phim ưa thích.
- Hiện thị lịch sử xem phim, tìm kiếm phim.
- Cập nhật phim, thể loại, quốc gia, ngày sản xuất, thời lượng.
- Hiện thị tin tức phim, giới thiệu.

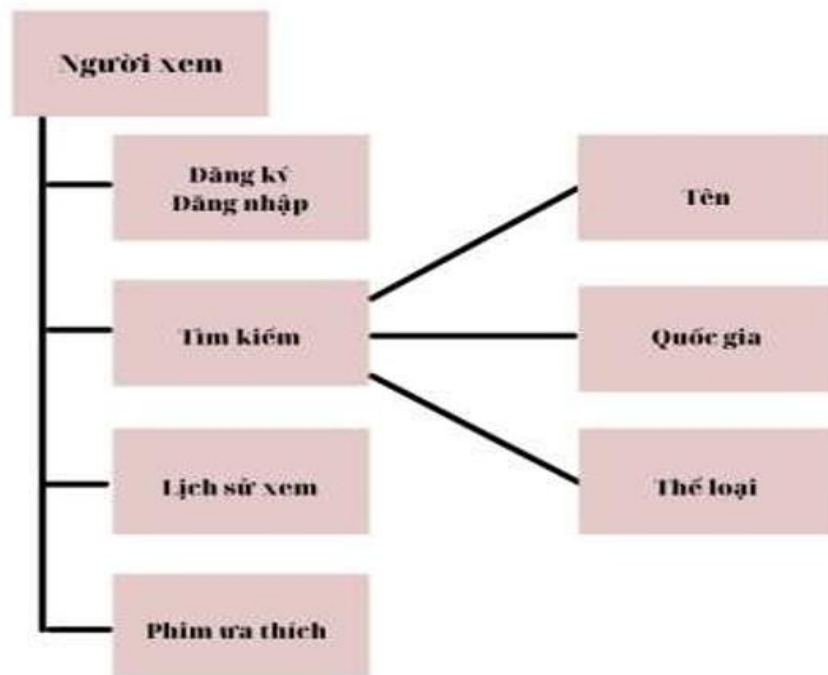
1.3. Sơ đồ Website xem phim online P-MOVIE



PHẦN 3 – XÂY DỰNG CHỨC NĂNG (DỰ KIẾN)

1. Chi tiết chức năng

- Sau khi khảo sát hiện trạng của hệ thống và xây dựng hệ thống thì bắt đầu xây dựng các tệp CSDL của “Xây dựng website xem phim online P-MOVIE”.
- Qua quá trình khảo sát, phân tích thực trạng và xây dựng hướng phát triển cho hệ thống mới thì tiếp tục xây dựng cấu trúc của hệ thống “Xây dựng Website xem phim online P-MOVIE”.
- Xây dựng biểu đồ phân cấp chức năng:
 - Phân cấp chức năng của người xem: Người dùng ở đây là những người truy cập vào website, có thể đăng kí làm thành viên hoặc không. Người dùng chỉ có một số quyền nhất định đối với website.



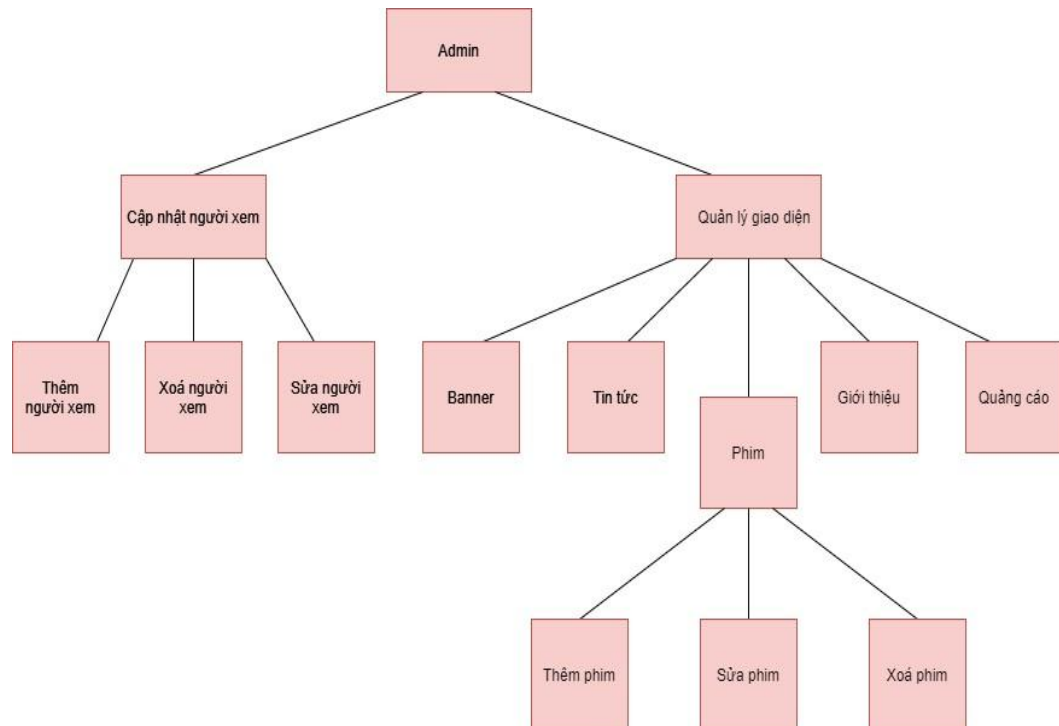
+) Chức năng đăng ký / đăng nhập: cho phép người dùng đăng ký, đăng nhập vào hệ thống để xem phim, đánh giá phim, lưu phim.

+) Chức năng tìm kiếm: cho phép người xem tìm kiếm phim 1 cách dễ dàng theo tên phim, tên quốc gia, hoặc thể loại.

+) Chức năng lịch sử xem phim: cho phép người dùng coi lại lịch sử đã xem phim.

+) Chức năng lưu phim ưa thích: cho phép người xem lưu những bộ phim yêu thích, lần sau dễ dàng xem lại 1 cách nhanh nhất.

- Phân cấp chức năng của admin: Là người có toàn quyền tương tác với hệ thống, quyền sử dụng tất cả các chức năng mà website xây dựng, điều khiển và kiểm soát mọi hoạt động của website.

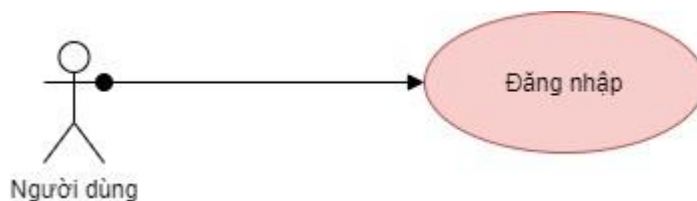


+) Chức năng cập nhật người xem: mỗi khi người xem đăng ký tài khoản trong web thì tài khoản sẽ lưu vào trang quản lý tài khoản của Admin.

+) Chức năng quản lý giao diện: Admin là người có quyền quản lý việc cập nhật trang web, bao gồm các nội dung banner, phim, quảng cáo, giới thiệu, tin tức...

2. Đặc tả chức năng Use case

1.1. Đặc tả Use Case Đăng nhập (người dùng).



– Tóm tắt.

Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng đăng nhập vào website của người dùng. Sau khi đăng

nhập vào website, lúc đó Người dùng mới có thể thực hiện được các chức năng khác, như là: lưu phim, lịch sử xem phim...

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng chọn chức năng đăng nhập từ trang chủ của website.
- (2) Trang chủ sẽ mở đến trang đăng nhập.
- (3) Người dùng nhập tài khoản của mình (bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu).
- (4) Hệ thống xác nhận thông tin đăng nhập.
- (5) Hiển thị thông báo.
- (6) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

* Dòng sự kiện thứ nhất

- (1) Người dùng huỷ yêu cầu đăng nhập.
- (2) Hệ thống bỏ qua trang đăng nhập, trở lại trang hiện tại.
- (3) Kết thúc Use Case.

* Dòng sự kiện thứ hai

- (1) Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập.
- (2) Hệ thống từ chối đăng nhập, hiển thị thông báo và trang đăng nhập.
- (3) Kết thúc Use Case.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

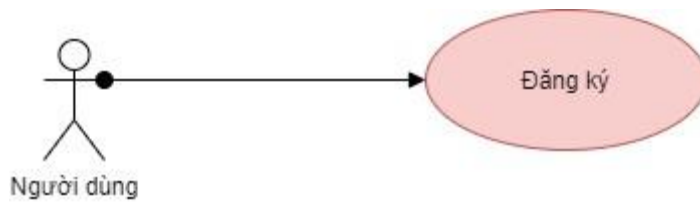
Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

* Trường hợp đăng nhập thành công: hệ thống hiển thị trang chủ của hệ thống. Sau khi đăng nhập thành công, Người dùng có thể thực hiện các chức năng tương ứng với quyền đăng nhập của mình.

* Trường hợp đăng nhập thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo đăng nhập không thành công và hiển thị trang chủ.

1.2. Đặc tả Use Case đăng ký tài khoản.



– Tóm tắt.

Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng đăng ký vào website của người dùng. Sau khi đăng ký vào website, lúc đó Người dùng mới có thể thực hiện được các chức năng khác, như là:

lưu phim, lịch sử xem phim...

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng chọn chức năng đăng kí từ trang chủ của website.
- (2) Trang chủ sẽ mở đến trang đăng ký.
- (3) Người dùng nhập đầy đủ thông tin tài khoản và thông tin cá nhân.
- (4) Hệ thống xác nhận thông tin và lưu lại.
- (5) Hiển thị thông báo.
- (6) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

* Dòng sự kiện thứ nhất

- (1) Người dùng huỷ yêu cầu đăng ký.
- (2) Hệ thống bỏ qua trang đăng kí, trở lại trang hiện tại.
- (3) Kết thúc Use Case.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

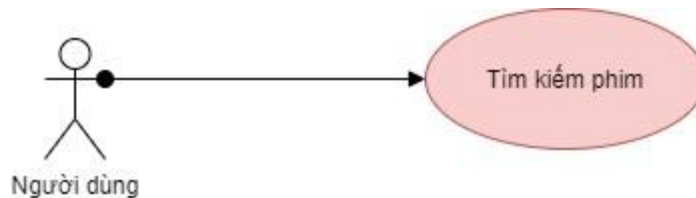
Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

* Trường hợp đăng kí thành công: hệ thống hiển thị trang đăng nhập để người dùng có thể đăng nhập vào website và thực hiện các chức năng tương ứng với quyền đăng nhập của mình, như là thanh toán tiền, gửi ý kiến phản hồi

* Trường hợp đăng kí thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo đăng kí không thành công và hiển thị trang chủ.

1.3. Đặc tả Use case tìm kiếm phim.



– Tóm tắt.

Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng tìm kiếm phim của website cho người dùng. Người dùng có thể tìm kiếm phim dựa trên tên phim, tên quốc gia, thể loại...

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng chọn chức năng tìm kiếm từ trang chủ của website.
- (2) Trang chủ sẽ hiện lên ô tìm kiếm.
- (3) Người dùng nhập thông tin muốn tìm kiếm (tên, thể loại, quốc gia).
- (4) Hệ thống xác nhận.
- (5) Hiển thị nội dung tìm kiếm.
- (6) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

* Dòng sự kiện thứ nhất

- (1) Người dùng huỷ yêu cầu tìm kiếm.
- (2) Hệ thống bỏ qua tìm kiếm, trở lại trang hiện tại.
- (3) Kết thúc Use Case.

* Dòng sự kiện thứ hai

- (1) Người dùng nhập sai thông tin tìm kiếm.

(2) Hệ thống hiển thị thông báo không tìm được.

(3) Kết thúc Use Case.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

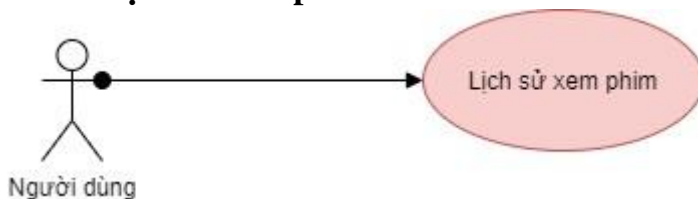
Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

* Trường hợp tìm kiếm thành công: hệ thống hiển thị nội dung mà người dùng muốn tìm. Sau khi tìm kiếm thành công, Người dùng có thể thực hiện các chức năng tương ứng với nội dung tìm kiếm của mình.

* Trường hợp đăng nhập thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo tìm kiếm không thành công và hiển thị trang chủ.

1.4. Đặc tả Use case lịch sử xem phim.



– Tóm tắt.

Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng xem lại được lịch sử xem phim trên website của người dùng.

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

(1) Người dùng chọn chức năng lịch sử xem phim từ trang chủ của website.

(2) Trang chủ sẽ hiện lên trang lịch sử xem.

(3) Người dùng chọn phim muốn coi lại.

(4) Hệ thống xác nhận.

(5) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

Không có dòng sự kiện khác.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

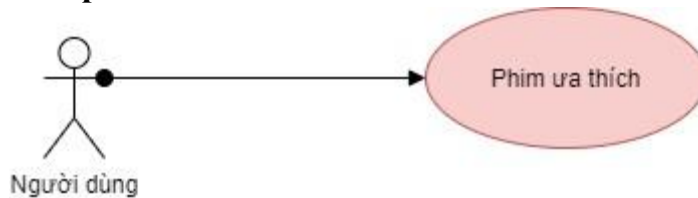
– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào sau đó.

1.5. Đặc tả Use case phim ưa thích.



– Tóm tắt.

Actor Người dùng là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng xem các bộ phim ưa thích đã lưu trên website của người dùng.

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

(1) Người dùng chọn chức năng phim ưa thích từ trang chủ của website.

(2) Trang chủ sẽ hiện lên trang phim ưa thích mà người dùng đã lưu.

(3) Người dùng chọn phim muốn coi lại.

(4) Hệ thống xác nhận.

(5) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

Không có dòng sự kiện khác.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

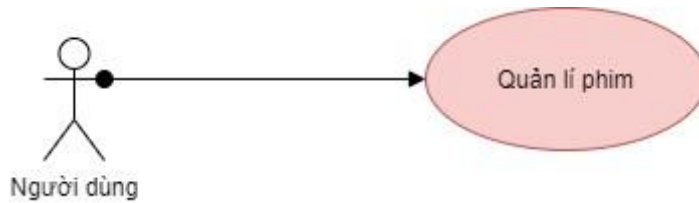
– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào sau đó.

1.6. Đặc tả Use case quản lý phim.



– Tóm tắt.

Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng quản lý, cập nhật các bộ phim đã lưu trên website cho người dùng xem.

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

- (1) Admin chọn chức năng phim ưa thích từ trang chủ của website.
- (2) Sẽ hiện lên trang quản lý phim mà admin muốn chỉnh sửa.
- (3) Admin chỉnh sửa, cập nhật phim mới.
- (4) Hệ thống xác nhận.
- (5) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

Không có dòng sự kiện khác.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

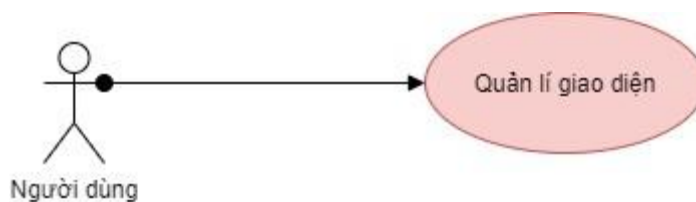
– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Phim sẽ được upload lên website.

1.7. Đặc tả Use case quản lý giao diện.



– Tóm tắt.

Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng quản lý, cập nhật các giao diện website đã lưu trên website cho người dùng xem.

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

- (1) Admin chọn chức năng quản lý từ trang chủ của admin.
- (2) Sẽ hiện lên trang quản lý giao diện website mà admin muốn chỉnh sửa.
- (3) Admin chỉnh sửa, cập nhật giao diện mới.
- (4) Hệ thống xác nhận.
- (5) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

Không có dòng sự kiện khác.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

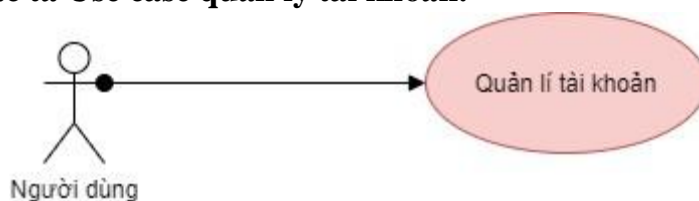
– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Giao diện mới sẽ upload lên website

1.8. Đặc tả Use case quản lý tài khoản.



– Tóm tắt.

Actor Admin là người sử dụng Use Case này. Use Case này được sử dụng để thực hiện chức năng quản lý, cập nhật các tài khoản người dùng trên website.

– Dòng sự kiện.

a. Dòng sự kiện chính:

- (1) Admin chọn chức năng quản lý tài khoản từ trang chủ của admin.
- (2) Sẽ hiện lên trang quản lý tài khoản người dùng mà admin muốn chỉnh sửa.

(3) Admin chỉnh sửa, cập nhật tài khoản người dùng.

(4) Hệ thống xác nhận.

(5) Kết thúc Use Case.

b. Các dòng sự kiện khác:

Không có dòng sự kiện khác.

– Các yêu cầu đặt biệt.

Không có yêu cầu đặc biệt.

– Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào trước đó.

– Trạng thái hệ thống sau khi bắt đầu thực hiện Use Case.

Tài khoản sẽ cập nhật vào trang của Admin.

3. Biểu đồ Use Case tổng quát

